TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày 16 - 7 - 2019
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK - TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phụng Ayun.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Duy Trinh.
2. Ông Nguyễn Xuân Dũng.
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Hương; Thư ký Toà án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lăk tham gia phiên tòa: Ông Y Ker B'Krông - Kiểm sát viên.
Ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại Hội trường A trụ sở Toà án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST-DS, ngày 16 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Ông Y X HDruê, sinh năm: 1968; địa chỉ: Buôn J, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt
2. Bị đơn: Bà H R Bdap, sinh năm: 1974; địa chỉ: Buôn K, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1 Bà H N Kbin (Vợ của ông Y X HDruê), sinh năm: 1982; địa chỉ: Buôn J, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt
3.2 Ông Y T1 HDruê, sinh năm: 1976; địa chỉ: Buôn K, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt
4. Người làm chứng:
4.1 Ông Y T KNỗng, sinh năm: 1983; địa chỉ: Buôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt
4.2 Ông Y T2 HDruê, sinh năm: 1981; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

4.3 Bà Vũ Thị D, sinh năm: 1981; địa chỉ: Buôn U, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Y X HDruê trình bày:

Vào ngày 30/3/2018, bà H R Bdap có đến nhà ông Y X vay với số tiền 225.000.000đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng), lãi suất theo thỏa thuận trong giấy vay là 1%/tháng, thời hạn vay 15 ngày, đến ngày 14/4/2018 thì bà H R hẹn phải trả hết nợ cho ông Y X cả số tiền gốc lẫn lãi như đã cam kết; trong lúc giao tiền cho bà H R thì có anh Y T Knỗng và Y T2 Hdruê (trú tại thôn B, xã B, huyện L là cháu gọi ông Y X bằng Bác) đang ở nhà ông Y X chơi và chứng kiến sự việc vay tiền. Tuy nhiên, đến nay đã quá hạn trả nợ với thời gian quá lâu; mặc dù ông Y X đến nhà bà H R để đòi nợ nhiều lần nhưng bà H R vẫn dây dưa chưa trả được cho ông Y X một khoản tiền nào. Nay ông Y X làm đơn khởi kiện; yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H R Bdap phải trả cho ông số tiền gốc là 225.000.000 đồng; đồng thời ông Y X yêu cầu tính lãi phát sinh, nếu tính lãi phát sinh (trong hạn, quá hạn) theo quy định của pháp luật thì mức lãi suất cao hơn nhiều; mặt khác, xét về hoàn cảnh điều kiện kinh tế của gia đình bà H R và ông Y T1 cũng rất khó khăn, vì số tiền gốc chưa trả được đồng nào và nếu cộng cả số tiền lãi phát sinh thì bà H R và ông Y T1 không đủ khả năng để trả nợ. Do đó, ông Y X chỉ yêu cầu tính (lãi 1%/tháng, lãi trong hạn) từ ngày 30/3/2018 (là ngày vay) đến ngày 14/4/2018 (ngày hẹn trả nợ) là 15 ngày; vậy được tính gốc 225.000.000 đồng x 1%/tháng : 30 x 15 ngày = 1.125.000 đồng. Còn tiền lãi quá hạn tính từ ngày 15/4/2018 cho đến ngày khởi kiện ngày 15/01/2019 nhưng ông Y X chỉ yêu cầu tính (lãi 10%/năm : 12 = 0,83%/tháng) là 09 tháng; vậy được tính gốc 225.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 09 tháng = 16.807.500 đồng; tổng tiền lãi trong hạn và quá hạn chậm trả tiền là 17.932.500 đồng. Như vậy, ông Y X H Druê yêu cầu buộc vợ chồng bà H R Bdap và ông Y T1 H Druê phải có nghĩa vụ trả nợ ông Y X tổng cộng là 242.932.500 đồng; trong đó: Tiền gốc là 225.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn là 17.932.500 đồng. Ngoài ra, ông Y X HDruê không yêu cầu bà H R B'Dap phải tiếp tục tính lãi nữa.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H N Kbin (vợ của ông Y X HDruê) trình bày: Bà H N Kbin hoàn toàn nhất trí với lời khai của ông Y X HDruê đã trình bày trên đây, bà H N cũng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cả hai vợ chồng bị đơn bà H R Bdap và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y T HDruê cùng có trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho vợ chồng ông Y X, bà H N số tiền gốc và số tiền lãi đã nêu trên; ngoài ra bà H N không có ý kiến gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà H R Bdap trình bày: Bà H R chỉ chấp nhận một phần ý kiến của ông Y X HDruê đã trình bày trên đây. Nhưng, thực tế bà H R Bdap đã thừa nhận rằng là có vay của ông Y X 02 lần

với số tiền tổng cộng là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), cụ thể; lần 01 bà H R vay 30.000.000 đồng vào ngày 29/3/2018 và lần 02 bà H R vay 60.000.000 đồng vào ngày 04/4/2018, với lãi suất tiền vay nóng do hai bên thỏa thuận là 5.000 đồng/1ngày/1triệu đồng, hẹn đến tháng 5/2018 bà H R sẽ trả hết nợ cho ông Y X cả tiền gốc lẫn lãi, mục đích vay tiền để có vốn làm ăn. Cả hai lần vay tiền của ông Y X trên thì bà H R không giữ một giấy tờ gì; trong lúc giao nhận tiền chỉ có bà H R và ông Y X, ngoài ra không còn ai khác để làm chứng hoặc chứng kiến việc vay tiền. Sau khi vay tiền xong thì bà H R đã trả cho ông Y X được 4 lần tiền lãi tổng cộng là 27.000.000 đồng; cụ thể: Lần 1, đã trả được 9.000.000 đồng tiền lãi - Lần 2, đã trả được 7.000.000 đồng tiền lãi và Lần 3, đã trả được 6.000.000 đồng tiền lãi và Lần 4, đã trả được 5.000.000 đồng tiền lãi, còn về thời gian trả tiền lãi vào ngày, tháng, năm nào thì bà H R không nhớ. Tuy nhiên, mỗi lần trả tiền lãi thì bà H R đều đưa tiền trực tiếp cho ông Y X, rồi ông Y X có ghi vào giấy tờ gì đó chứ hai bên không lập biên bản giao nhận tiền gì và bà H R cũng không cầm lưu giữ bất cứ một giấy tờ gì; được 04 lần trả tiền lãi cho ông Y X trên thì không có ai chứng kiến cả. Ngoài ra bà H R Bdap khai theo như "Giấy cho vay tiền" vào ngày 30/3/2018 với số tiền là 225.000.000 đồng mà nguyên đơn ông Y X cung cấp cho Tòa án; mặc dù bà H R vẫn thừa nhận đúng là chữ ký, chữ viết họ tên của mình là H R Bdap trong giấy vay tiền. Tuy nhiên, trong lúc bà H R ký giấy vay tiền của ông Y X là lấy lý do bản thân đã uống rượu nhiều say xỉn nên không thể kiểm soát được hành vi của mình, do đó khi thấy ông Y X H Druê và ông Y T Knông đưa giấy đến nhà bà H R và bảo bà H R ký vào giấy vay tiền thì buộc bà H R đặt bút ký vào chứ không hề xem lại nội dung trong giấy vay tiền đó viết những gì. Mặt khác, bản thân bà H R cho rằng là mình không được đi học, không biết chữ, không biết đọc và không biết viết "Tiếng việt" nên cứ ký đại vào giấy cho vay tiền của ông Y X trên. Nay ông Y X HDruê khởi kiện yêu cầu buộc bà H R Bdap phải trả nợ 225.000.000 đồng cho ông Y X theo "Giấy cho vay tiền" ngày 30/3/2018 thì bà H R Bdap không chấp nhận. Bà H R chỉ đồng ý chấp nhận trả nợ cho ông Y X HDruê là 90.000.000 đồng tiền gốc và trừ đi 27.000.000 đồng tiền lãi đã trả cho ông Y X trước đó, còn lại bà H R phải trả nợ cho ông Y X là 63.000.000 đồng tiền gốc và trả tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật; ngoài ra bà H R Bdap không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y T1 Hdruê (chồng của bà H R Bdap) trình bày: Ông Y T1 hoàn toàn nhất trí với ý kiến của vợ ông đã trình bày trên đây. Mặc dù, ông Y T1 không có chữ ký trong giấy vay tiền của ông Y X HDruê, nhưng ông với bà H R là quan hệ vợ chồng với nhau nên ông Y T1 vẫn biết việc vợ mình vay tiền của ông Y X Hdruê, bà H N Kbin 02 lần tiền tổng cộng là 90.000.000 đồng; lần 1, vào ngày 29/3/2018 vay 30.000.000 đồng; lần 2, vào ngày 04/4/2018 vay 60.000.000 đồng; lãi hai bên thỏa thuận là 5.000 đồng/1triệu/ngày, hẹn đến tháng 5/2018 (nhưng ông không nhớ ngày) vợ ông sẽ trả nợ cho vợ chồng ông Y X cả gốc lẫn lãi, mục đích bà H R vay số tiền trên mang về nhà vẫn chi tiêu sinh hoạt chung trong gia đình. Như vậy, ông vẫn có

trách nhiệm chung đối với số tiền nợ này để cùng vợ ông cố gắng thu xếp trả nợ cho vợ chồng ông Y X, bà H N. Nhưng, ông chỉ đồng ý chấp nhận trả nợ cho vợ chồng ông Y X, bà H N số tiền gốc là 90.000.000 đồng, trừ đi 27.000.000 đồng tiền lãi mà vợ ông đã trả trước đó; còn lại phải tiếp tục trả nợ cho vợ chồng ông Y X, bà H N là 63.000.000 đồng gốc và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của vợ chồng ông Y X, bà H N; ngoài ra, ông Y T không có yêu cầu gì khác.

Người làm chứng khai:

Ông Y T KNỗng trình bày: Ông Y T hoàn toàn nhất trí với ý kiến của vợ chồng ông Y X HDruê và bà H N Kbin đã trình bày trên đây. Mặc dù, không có quan hệ bà con, họ hàng thân thiện gì với vợ chồng ông Y X HDruê và bà H N Kbin, nhưng tình cờ vào ngày 30/3/2018, ông Y T đến nhà ông Y T2 HDruê ở Buôn T, xã B chơi; sau đó ông Y T2 có rủ ông Y T vào nhà cậu của Y T2 ở Buôn J chơi một lúc rồi về. Khi đến nhà ông Y X, khoảng 16h - 16h 30' cùng ngày, trong lúc ông Y T cùng với anh Y T2 Hdruê đang làm đồ nhậu ở dưới nhà bếp của ông Y X, thì thấy bà H R đi một mình đến nhà ông Y X và đang có mặt tại phòng khách nhà của ông Y X; được một lúc sau đó thì ông Y X gọi lên nhờ Y T ghi giùm vào tờ giấy vay mượn tiền theo mẫu của ông Y X đã chuẩn bị từ trước rồi bảo Y T ghi rõ số tiền vào trong giấy vay, vì do ông Y X mắt kém nên Y T đã ghi giùm cho ông Y X những nội dung thể hiện trong giấy vay tiền. Lúc này, thì nghe hai bên có trao đổi lại và Y T cũng được biết lãi suất hai bên thỏa thuận trong giấy vay tiền là 1%/225.000.000 đồng, nhưng do sơ suất (ghi không rõ lãi 1%/ngày hay 1%/tháng/225.000.000 đồng) là thiếu sót, hạn vay là 15 ngày, rồi cả hai bên đều đồng ý chấp nhận và ký vào giấy vay tiền, sau đó thấy ông Y X vào trong phòng ngủ của ông Y X lấy ra mấy cục tiền mệnh giá tờ tiền 500.000 đồng rồi đưa cho bà H R Bdap, sau đó Y T tiếp tục xuống bếp để phụ giúp làm đồ nhậu cùng với anh Y T2, còn sự việc vay mượn tiền giữa ông Y X và bà H R Bdap như thế nào thì ông Y T không biết và không có liên quan gì đến vụ án này.

Ông Y T2 HDruê khai: Ông Y T2 HDruê với ông Y X Hdruê và ông Y T1 Hdruê (chồng bà H R Bdap) đều có quan hệ họ hàng xa, ông Y T2 gọi ông Y X bằng Bác, còn gọi vợ chồng bà H R, ông Y T1 là bằng Cậu, Mợ. Vào khoảng buổi chiều ngày cuối tháng 3, tháng 4/2018 ông Y T2 cùng với Y T có đến nhà ông Y X ở Buôn J, xã B chơi. Khi đến nhà ông Y X, lúc này ông Y T2 đang mải làm đồ nhậu ở dưới nhà bếp của ông Y X, thì tình cờ thấy bà H R Bdap cũng có mặt tại phòng khách nhà của ông Y X và một phần trong gia đình nhà ông Y X đang có rất nhiều người nên ông Y T2 không để ý bà H R đi đến nhà ông Y X từ lúc nào, đi một mình hay đi với ai khác thì ông Y T2 không biết. Nhưng, ông Y T2 chỉ nghe việc bà H R đến nhà ông Y X mục đích là để vay tiền, còn số tiền vay cụ thể bao nhiêu, lãi suất, thời hạn vay như thế nào cũng như mục đích của bà H R vay tiền để làm gì thì ông Y T2 không được biết, vì lúc này ông Y T2 cùng với Y T đang làm mồi nhậu ở dưới nhà bếp. Sau đó, thì ông Y X có gọi anh Y T lên phòng khách và nhờ anh Y T làm việc gì đó thì ông Y T2 cũng không biết rõ. Vì vậy, sự việc vay mượn tiền giữa ông Y X HDruê và bà H R Bdap như thế nào thì ông Y T2 không biết và không có liên quan đến vụ án.

Bà Vũ Thị D khai: Vào khoảng 08 giờ hoặc 09 giờ sáng đầu tháng 4/2018, tình cờ bà H R cùng với chị dâu của bà H R có đến nhà bà D ở Buôn U, xã B chơi,

sau đó cả ba người ngồi chơi nói chuyện một lúc, rồi sau đó tổ chức uống rượu cho vui, uống rượu chuối khoảng 600ml - 700ml nhưng chưa hết 01 lít, khi uống xong đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì 02 chị em bà H R đi về nhà ở Buôn K, xã B. Lúc 02 chị em của bà H R đi ra khỏi nhà bà D thì thấy bà H R đi bộ về nhà vẫn còn bình thường, tỉnh táo chứ chưa đến nổi say xỉn lắm, vì cả 03 người uống với số lượng rượu ít. Còn sự việc bà H R có vay mượn tiền của ông Y X cụ thể như thế nào thì bà D không biết.

Tại biên bản xác minh ngày 15/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, bà H Y Hmõk - buôn Trưởng Buôn K, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk cho biết: Vợ chồng bà H R Bdap và ông Y T1 HDruê sinh sống tại địa phương ổn định đã nhiều năm nay và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Buôn K, xã B, huyện L. Quá trình vợ chồng bà H R sinh sống tại Buôn K thì thấy bà H R thỉnh thoảng có uống rượu trong những dịp ngày cưới hỏi, giỗ chạp, gặp bạn bè uống vài chai bia, xị rượu; còn ngày thường thì thấy bà H R vẫn đi làm lao động bình thường, chứ bà H R không có thường xuyên uống rượu say xỉn đến mức nghiêm trọng dẫn đến quậy phá trong gia đình và trong buôn làng; ngoài ra buôn Trưởng Buôn K, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk không có cung cấp thông tin nào khác về bà H R Bdap.

Sau khi thụ lý vụ kiện, mặc dù Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải nhiều lần nhưng các bên đương sự vẫn không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu của mình cũng như đã khai trong bản tự khai, trong biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các bên đương sự không có xuất trình chứng cứ mới hoặc phát sinh những tình tiết mới của vụ án tại phiên tòa. Tại phiên tòa bà H R Bdap đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân huyện L thụ lý vụ án dân sự về quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn ông Y X HDruê với bị đơn bà H R Bdap, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Y T1 HDruê là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Thẩm phán đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 463, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Ông Y X Hdruê, bà H N Kbin và bà H R Bdap, ông Y T1 Hdruê đều là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Chính Phủ; tại phiên tòa bà H R Bdap, ông Y T1 HDruê đã có đơn xin miễn nộp

tiền án phí dân sự sơ thẩm; do đó bà H R Bdap không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Y X Hdruê về việc đòi lại số tiền nợ gốc là 225.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với bị đơn bà H R Bdap và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y T1 HDruê.

2. Buộc bị đơn bà H R Bdap và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y T1 HDruê phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Y X HDruê và bà H N Kbin tổng cộng là 242.932.500 đồng; trong đó: Số tiền gốc là 225.000.000 đồng và số tiền lãi trong hạn, quá hạn chậm trả là 17.932.500 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Y X HDruê và bị đơn bà H R Bdap; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H N Kbin, ông Y T1 HDruê không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền: Nguyên đơn ông Y X HDruê làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà H R Bdap và ông Y T1 HDruê phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Y X HDruê và bà H N Kbin số tiền nợ gốc là 225.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh chậm nghĩa vụ trả tiền trong hạn và quá hạn. Đây là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L. Bị đơn bà H R Bdap và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y T1 HDruê có địa chỉ nơi cư trú tại huyện L, tỉnh Đắk Lắk; vì vậy Tòa án căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án tranh chấp: Vào ngày 30/3/2018, bà H R Bdap có đến nhà ông Y X HDruê, bà H N Kbin vay số tiền 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng), lãi suất theo thỏa thuận ghi trong giấy vay tiền là 1%/tháng *(nhưng trong giấy vay tiền ghi không rõ 1%/ngày hay 1%/tháng)* là thiếu sót, hạn vay 15 ngày, đến ngày 14/4/2018 thì bà H R hẹn phải trả hết nợ cho Y X HDruê cả số tiền gốc lẫn lãi như đã cam kết trong giấy cho vay tiền; trong lúc giao tiền cho bà H R thì có anh Y T Knông và Y T2 Hdruê (trú tại thôn Buôn T, xã B, huyện L, ông Y T2 gọi ông Y X bằng Bác) đang ở nhà ông Y X chơi và chứng kiến sự việc vay tiền trên. Mặc dù đã quá hạn thời hạn trả nợ và ông Y X HDruê, bà H N Kbin đã nhắc nhở đến đòi nợ nhiều lần nhưng bà H R Bdap vẫn cố tình dây dưa chưa trả được một khoản tiền nào cho ông Y X HDruê, bà H N Kbin. Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông Y X HDruê cung cấp cho Tòa án cũng như Tòa án đã thu thập được thể hiện đầy đủ có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Vì thế, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Y X HDruê về việc đòi số tiền nợ gốc 225.000.000 đồng đối với bị đơn bà H R Bdap và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y T1 HDruê là hợp lý.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của ông Y X HDruê, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Y X vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu tính lãi của mình, vì xét thấy hoàn cảnh điều kiện kinh tế gia đình của bà H R, ông Y T1 cũng rất khó khăn. Vì vậy, ông Y X HDruê chỉ yêu cầu tính (lãi 1%/tháng trong hạn) trên số tiền gốc 225.000.000 đồng nên cần chấp nhận. Nhưng, tính từ ngày 30/3/2018 (ngày vay) đến ngày 14/4/2018 (ngày hẹn trả nợ) là 15 ngày. Còn tiền lãi quá hạn thì ông Y X chỉ yêu cầu tính theo lãi suất phát sinh chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền (lãi 10%/năm : 12 = 0,83%/tháng) tính từ ngày 15/4/2018 cho đến ngày khởi kiện ngày 15/01/2019 là 09 tháng, phù hợp với quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

Như vậy, được tính trên số tiền gốc 225.000.000 đồng x 1%/tháng : 30 x 15 ngày = 1.125.000 đồng. Tiền lãi quá hạn phát sinh chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 15/4/2018 cho đến ngày khởi kiện ngày 15/01/2019 là 09 tháng; vậy được tính trên số tiền gốc 225.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 09 tháng = 16.807.500 đồng; tổng tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn phát sinh chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 17.932.500 đồng.

[5] Do đó, buộc bị đơn bà H R Bdap và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y T1 HDruê phải có nghĩa vụ trả cho ông Y X HDruê, bà H N Kbin tổng cộng là 242.932.500 đồng; trong đó: Số tiền gốc là 225.000.000 đồng và tổng tiền lãi là 17.932.500 đồng.

Căn cứ Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi đối với số tiền chậm thi hành án khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án.

[6] Xét lời khai của bà H R Bdap và Y T1 HDruê khai rằng là ngày 30/3/2018, bà H R Bdap khẳng định là không có vay của ông Y X HDruê, bà H N Kbin số tiền 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) là không có cơ sở. Bởi vì, căn cứ giấy vay tiền ghi nhận nợ ngày 30/3/2018 và có chữ ký họ tên của bà H R Bdap, lãi suất theo thỏa thuận ghi trong giấy vay tiền là 1%/tháng, hạn vay là 15 ngày, đến ngày 14/4/2018 thì bà H R hẹn phải trả hết nợ cho Y X cả số tiền gốc lẫn lãi như đã cam kết; trong lúc giao tiền cho bà H R Bdap tại nhà ông Y X HDruê thì có ông Y T Knỗng và ông Y T2 Hdruê đang ở nhà ông Y X chơi, làm đồ nhậu và chứng kiến sự việc vay tiền. Bà H R cho rằng thực tế là chỉ có vay tiền của ông Y X, bà H N 02 lần với số tiền tổng cộng là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) cụ thể; lần 01 bà H R vay 30.000.000 đồng vào ngày 29/3/2018 và lần 02 bà H R vay 60.000.000 đồng vào ngày 04/4/2018, với lãi suất tiền vay nóng do hai bên thỏa thuận là 5.000 đồng/1ngày/1triệu đồng, hẹn đến tháng 5/2018 bà H R sẽ trả hết nợ cho ông Y X cả tiền gốc lẫn lãi, cả hai lần vay tiền của ông Y X trên thì bà H R không giữ một giấy tờ gì mà đưa hết cho ông Y X giữ. Sau khi vay tiền xong thì bà H R đã trả cho ông Y X được 4 lần tiền lãi tổng cộng là 27.000.000 đồng; cụ thể: Lần 1, đã trả được 9.000.000 đồng tiền lãi - Lần 2, đã trả được 7.000.000 đồng tiền lãi - Lần 3, đã trả được 6.000.000 đồng tiền lãi và Lần 4, đã trả được 5.000.000 đồng tiền lãi, còn về thời gian trả tiền lãi vào ngày, tháng, năm nào thì bà H R không nhớ, nên chỉ đồng ý chấp nhận trả nợ cho ông Y X là

90.000.000 đồng tiền gốc, nhưng phải trừ đi 27.000.000 đồng tiền lãi đã trả cho ông Y X trước đó. Còn lại bà H R, ông Y T1 tiếp tục trả nợ cho ông Y X, bà H N là 63.000.000 đồng tiền gốc và trả tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Mặt khác, bà H R Bdap và Y T1 HDruê không có bất cứ giấy tờ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh thể hiện có trong hồ sơ vụ án về việc bà H R Bdap vay của ông Y X HDruê, bà H N Kbin 02 lần số tiền tổng cộng là 90.000.000 đồng cũng như việc đã trả 4 lần tiền lãi tổng cộng 27.000.000 đồng cho ông Y X, bà H N là không có căn cứ để chấp nhận.

Ngoài ra, bà H R Bdap cho rằng "Giấy cho vay tiền" vào ngày 30/3/2018 với số tiền là 225.000.000 đồng; mặc dù bà H R thừa nhận đúng là chữ ký, chữ viết họ tên của mình nhưng lấy lý do trước khi ký vào giấy vay tiền của ông Y X là do bản thân mình đã uống rượu nhiều say xỉn tại nhà của bà Vũ Thị D ở Buôn U, xã B, huyện L nên không thể kiểm soát được hành vi của mình, không hề xem lại nội dung trong giấy vay tiền đó viết những gì hoặc lấy lý do bản thân bà H R cho rằng là mình không được đi học, không biết chữ, không biết đọc và không biết viết "Tiếng việt" nên cứ đặt bút ký đại vào giấy cho vay tiền của ông Y X trên. Vì trước khi hai bên thực hiện hợp đồng giao dịch dân sự vay tài sản là do sự thỏa thuận của các bên đương sự, thể hiện bằng ý chí tự nguyện, không ai áp đặt, không bên nào ép buộc bên nào mà bà H R phải ký ghi nhận nợ và thực tế trong giấy vay tiền không thể hiện việc ông Y X có hành vi ép buộc bà H R phải ký vào giấy ghi nhận nợ cả. Đây chỉ là bà H R Bdap đã viện ra nhiều lý do để nhằm mục đích muốn trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, kéo dài, trì hoãn thời gian và gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án của Tòa án.

[7] Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện L về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[8] Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Ông Y X Hdruê, bà H N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà H R Bdap, ông Y T1 Hdruê là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Chính Phủ và tại phiên tòa có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên bà H R Bdap, ông Y T1 Hdruê được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 210, 211, 220, 235, điểm c khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Y X Hdruê về việc đòi lại số tiền nợ gốc là 225.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với bị đơn bà H R Bdap và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y T1 HDruê.

2. Buộc bị đơn bà H R Bdap và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y T1 HDruê phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Y X HDruê và bà H N Kbin tổng cộng là: 242.932.500 đồng; trong đó: Số tiền gốc là 225.000.000 đồng và tổng tiền lãi là: 17.932.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của ông Y X HDruê cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bà H R Bdap, ông Y T1 Hdruê còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Về tiền án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Chính Phủ. Ông Y X Hdruê, bà H N Kbin và bà H R Bdap, ông Y T1 HDruê được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Y Phụng Ayun